

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

#### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

##### 1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm Vật tư in; Cao su in; Mực in offset; Vật tư phụ phục vụ sản xuất 3.000.000 Phôi Thì thực tờ rời;
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư in;
- Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của Trung tâm;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 450 ngày;
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ, địa chỉ: số 145 đường Chiến Thắng, Thanh Liệt, Hà Nội.

##### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:*

##### a. Yêu cầu chung:

- Chất lượng: Hàng mới 100%, sản xuất năm 2026 trở về sau;
- Bản cam kết chất lượng và xuất xứ của hàng hoá khi giao hàng;
- Quy cách đóng gói: Đóng gói theo quy định của nhà sản xuất.

##### b. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

- Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

| Stt | Danh mục           | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bản kẽm            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: Nhôm (độ tinh khiết &gt; 90%), có phủ lớp màng cảm quang;</li> <li>- Kích thước: 750mm x 605mm x 0,3mm;</li> <li>- Độ nhạy quang phổ: 800 - 850nm;</li> <li>- Độ phân giải: 3% - 97%;</li> <li>- Năng lượng ghi bản từ: 110 - 130mJ/cm<sup>2</sup>.</li> </ul> |
| 2   | Dung dịch hiện bản | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạng lỏng, không màu, ít bay hơi, ít tạo kết tủa;</li> <li>- Sử dụng để hiện bản in;</li> <li>- Phù hợp với nhiều loại bản in;</li> </ul>                                                                                                                                |

|   |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|---|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ hoạt động: 22°C - 25°C;</li> <li>- Thời gian hiện bản in: 12 - 40 (giây).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 3 | Dung dịch sữa rửa bản | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để làm sạch bản in;</li> <li>- Không ăn mòn bản in;</li> <li>- Trạng thái vật lý: dạng lỏng, màu trắng sữa</li> <li>- Điểm sôi: &gt; 100°C;</li> <li>- Độ nhớt: 3.000 - 4.000 (cps) ở 25°C.</li> </ul>                                                                                                                                      |
| 4 | Thuốc tím bản         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạng paste, không mùi, màu hồng đỏ, tan trong nước;</li> <li>- Dùng để loại bỏ những hình ảnh không cần thiết trên bề mặt bản in;</li> <li>- Không bị loang trên bề mặt bản in;</li> <li>- Khối lượng: 100g/lọ.</li> </ul>                                                                                                                       |
| 5 | Dung môi rửa lô in    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạng lỏng, không màu;</li> <li>- Dùng để làm sạch mực in UV trên hệ thống lô chà mực in, cao su in Offset và ống sắt ép in;</li> <li>- Hạn chế ăn mòn;</li> <li>- Điểm cháy &gt; 80°C;</li> <li>- Bảo vệ bề mặt lô và cao su in;</li> <li>- Tốc độ bay hơi chậm.</li> </ul>                                                                      |
| 6 | Dung dịch làm ẩm      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạng lỏng;</li> <li>- Ổn định PH: 5-5,3;</li> <li>- Sử dụng với tất cả các loại máy in offset từ rời;</li> <li>- Phù hợp với cả nước cứng và nước mềm;</li> <li>- Tương thích với chất liệu cao su được sử dụng cho lô ẩm;</li> <li>- Tỷ trọng 1,11 g/ml;</li> <li>- Độ dẫn điện tăng lên so với % đầu vào: 465 <math>\mu</math>S/cm.</li> </ul> |
| 7 | Bột đá                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạng bột khô, màu trắng;</li> <li>- Thành phần: Moisture (13%); carbohydrate (85%); Ashcontent (2,66%).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                               |
| 8 | Cồn công nghiệp IPA   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số CAS: 67-63-0</li> <li>- Dạng lỏng, không màu, tan vô hạn trong nước</li> <li>- Độ tinh khiết: <math>\geq 99\%</math></li> <li>- Tỷ trọng: 0,786 g/cm<sup>3</sup></li> <li>- Điểm sôi: 82°C</li> </ul>                                                                                                                                         |
| 9 | Nước cất 2 lần        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ PH: 6,00 – 8,00</li> <li>- Độ dẫn điện: <math>\leq 1 \mu</math>S/cm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện trở kháng: <math>\geq 1 \text{ Mohm.cm}</math></li> <li>- TOC: <math>\leq 50 \text{ }\mu\text{g/L}</math></li> <li>- Sodium: <math>\leq 5 \text{ }\mu\text{g/L}</math></li> <li>- Chloride: <math>\leq 5 \text{ }\mu\text{g/L}</math></li> <li>- Total silica: <math>\leq 3 \text{ }\mu\text{g/L}</math></li> <li>- Bacteria content: <math>\leq 3 \text{ CFU/mLx}</math></li> </ul> |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### 1.3. Các yêu cầu khác

- Bên Bán phải có văn bản thông báo cho bên Mua thời gian dự kiến giao hàng trước thời điểm dự kiến bàn giao tối thiểu 01 ngày.

- Yêu cầu về bảo hành:

+ Thời hạn bảo hành:  $\geq 12$  tháng kể từ khi bàn giao, nghiệm thu hàng hóa.

+ Phương thức bảo hành: Bên Bán chịu toàn bộ các chi phí cho việc đổi mới, khắc phục hư hỏng, khuyết tật do lỗi của nhà sản xuất hoặc bên bán trong thời gian bảo hành. Thời gian thực hiện tối đa 5 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

+ Địa điểm bảo hành: tại Trung tâm Kỹ thuật tài liệu nghiệp vụ, số 145 Đường Chiến Thắng, Thanh Liệt, Hà Nội.

### Mục 2. Bản vẽ

Không có

### Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các bước kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa gồm:

- Bước 1: Kiểm tra xuất xứ, ký mã hiệu, năm sản xuất, quy cách đóng gói, và kiểm đếm số lượng hàng hóa;

- Bước 2: Đối chiếu thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa trên tem nhãn hoặc catalogue của hàng hóa với nội dung thông số kỹ thuật của hàng hóa trong Hợp đồng.

- Bước 3: Nếu hàng hóa đạt yêu cầu đúng theo hợp đồng quy định thì bên Mua làm các thủ tục tiếp nhận hàng, nếu hàng hoá không đảm bảo theo quy định của hợp đồng bên Mua sẽ từ chối nhận hàng, toàn bộ chi phí có liên quan do bên Bán chịu.